

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2020/HS-ST

Ngày: 17-11-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Vân

Ông Trần Văn Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 51/2020/TLST-HS ngày 05 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2020 đối với:

- Bị cáo: Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1962 tại Bến Tre.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 64/57/11 đường N, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Giới tính: Nữ.

Dân tộc: Kinh.

Quốc tịch: Việt Nam.

Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Nội trợ.

Trình độ học vấn: 8/12.

Con ông Nguyễn Văn N (chết) và bà Trần Thị Kim H.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 48 ngày 11 tháng 8 năm 2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Bến Tre và Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 48/2020/HSST ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có mặt tại tòa.

- Bị hại: Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1972.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Nguyễn Thị Thanh L có mặt tại tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 13 tháng 5 năm 2020, bị cáo Nguyễn Thị Thu T đến cửa hàng điện thoại di động P thuộc ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre do chị Nguyễn Thị Thanh L làm chủ để mua sim điện thoại. Khi đến cửa hàng, bị cáo đứng trước tủ kính trưng bày điện thoại hỏi mua sim 4G thì phát hiện trên tủ kính có 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6Plus màu trắng. Lợi dụng lúc chị L không chú ý, bị cáo lấy trộm điện thoại di động Iphone 6Plus bỏ vào túi quần, rời khỏi cửa hàng và đi bộ đến khu vực cầu T thuê xe ôm đi đến thành phố B bán cho một người không rõ lai lịch với giá 1.000.000 đồng lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Sau khi mất tài sản, chị L trích xuất camera và phát hiện bị cáo là người lấy trộm điện thoại di động nên trình báo công an. Qua làm việc, bị cáo thừa nhận hành vi lấy trộm điện thoại di động của chị L.

Tại Kết luận định giá số: 1012/KL-HĐĐG ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng định giá huyện C, tỉnh Bến Tre kết luận điện thoại di động hiệu Iphone 6Plus trị giá 3.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo đã bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thanh L số tiền 4.000.000 đồng. Chị L đã làm đơn bãi nại cho bị cáo.

Cáo trạng số: 59/CT-VKSCT ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thu T về “*Tội trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm “*Tội trộm cắp tài sản*”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu T từ 06 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 24 tháng.

Trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận chị Nguyễn Thị Thanh L đã nhận của bị cáo số tiền 4.000.000 đồng và không yêu cầu gì khác.

Xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử lưu hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD hiệu Maxell có chứa đoạn video được trích xuất dữ liệu camera an ninh của ông Nguyễn Văn H.

Tại tòa, chị Nguyễn Thị Thanh L không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố đồng thời tại lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo Nguyễn Thị Thu T cũng như bị hại Nguyễn Thị Thanh L không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng cũng như các hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng cũng như các hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra và tại tòa phù hợp với lời khai của bị hại về đặc điểm tài sản cũng như vị trí, thời gian để tài sản mà bị cáo chiếm đoạt và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định vào khoảng 08 giờ 00 phút ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại cửa hàng điện thoại di động P thuộc ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre, bị cáo Nguyễn Thị Thu T đã lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6Plus màu trắng của chị Nguyễn Thị Thanh L. Tại Kết luận định giá số: 1012/KL-HĐĐG ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng định giá huyện C, tỉnh Bến Tre kết luận điện thoại di động hiệu Iphone 6Plus trị giá 3.000.000 đồng.

[3] Hành vi của bị cáo là hành vi cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã phạm “*Tội trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cáo trạng và quan điểm luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội.

[4] Bị cáo biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị xã hội lên án nhưng vì động cơ tư lợi bất chính, bị cáo đã thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng, thiếu cảnh giác trong quản lý tài sản của bị hại để thực hiện hành vi phạm tội, trên thực tế bị cáo đã thực hiện việc chiếm đoạt được tài sản như ý định của bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương nơi bị cáo thực hiện tội phạm, tạo sự bất bình, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, làm mọi người không an tâm trong lao động, sinh hoạt, nghỉ ngơi.

[5] *Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo không có tình tiết nặng nề trách nhiệm hình sự.

[6] *Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Quá trình điều tra và tại tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo được quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] *Xét nhân thân*: Bị cáo có nhân thân tốt.

[8] Bị cáo không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần giao bị cáo về địa phương phối hợp cùng gia đình quản lý, giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện, có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung nên cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp quy định tại Điều 2 Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo.

[9] *Trách nhiệm dân sự*: Bị hại chị Nguyễn Thị Thanh L đã nhận số tiền mà bị cáo bồi thường và không có yêu cầu gì khác nên ghi nhận.

[10] *Xử lý vật chứng*: Đối với 01 đĩa DVD hiệu Maxell có chứa đoạn video được trích xuất dữ liệu camera an ninh của ông Nguyễn Văn H ghi lại hình ảnh hành vi phạm tội của bị cáo nên lưu hồ sơ vụ án.

[11] *Án phí*: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] *Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017*:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị Thu T** phạm “*Tội trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu T **06 (Sáu)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **12 (Mười hai)** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (**ngày 17/11/2020**).

Giao bị cáo Nguyễn Thị Thu T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre phối hợp cùng với gia đình bị cáo giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] *Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:*

Lưu hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD hiệu Maxell có chứa đoạn video được trích xuất dữ liệu camera an ninh của ông Nguyễn Văn H.

[3] *Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; các điều 584, 585, 586, 588 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015:*

Ghi nhận bị hại chị Nguyễn Thị Thanh L đã nhận số tiền bị cáo bồi thường và không có yêu cầu gì khác.

[4] *Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:*

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu T có nghĩa vụ chịu án phí 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

[5] *Áp dụng Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:*

Bị cáo và bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre;
- Công an huyện C, tỉnh Bến Tre;
- Bộ phận HS Công an huyện C, tỉnh Bến Tre;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Dương Tiến Dũng